

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 01/CV-NVT ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Đồng Tiến 1 (Hồ sơ sau chỉnh sửa) của Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Trí và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 233/TTr- TNMT, ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc cấp giấy phép môi trường dự án Trang trại Đồng Tiến 1 của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Trí.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Hộ gia đình Nguyễn Văn Trí, địa chỉ tại Thôn 3, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trang trại Đồng Tiến 1 với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án: Trang trại Đồng Tiến 1 của hộ gia đình Nguyễn Văn Trí.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 7, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo tập trung.

1.4. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Phạm vi: Tại thôn 7, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Quy mô:

Tổng diện tích đất sử dụng là 69.234,06 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 8.057,30 m<sup>2</sup>

+ Diện tích các công trình phụ trợ: 8.399,5 m<sup>2</sup>



+ Diện tích các công trình xử lý môi trường: 5658,97 m<sup>2</sup>

+ Diện tích đất dự trữ, hồ nước tự nhiên, cây xanh: 47.078,29m<sup>2</sup>.

Quy mô chăn nuôi: 300 heo nái và 600 heo con/năm.

Là dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Trí:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đắk R'Lấp phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đắk Sin và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./ *haw*

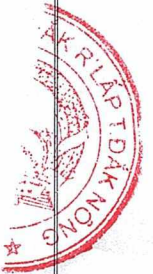
**Nơi nhận:**

- Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Trí;
- CT, PCT UBND huyện;
- Công an huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng NN&PTNT;
- UBND xã Đắk Sin;
- Trang thông tin điện tử huyện Đắk R'lấp;
- Lưu VP *haw*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Công Dũng**





**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **30** /GPMT-UBND ngày **04** tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt các công nhân làm việc tại Trang trại, phát sinh khoảng 1,05 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 2: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi (bao gồm: nước tiểu heo, nước rửa chuồng, phân lỏng sau tách phân và nước mưa rơi vào hồ xử lý), phát sinh khoảng 14,24 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải****2.1. Dòng nước thải:**

- Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các công nhân làm việc trong khu vực Trang trại được thu gom xử lý qua bể tự hoại và tự thấm tại giếng thấm bên trong khu vực Trang trại.

- Dòng nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi được thu gom về Bể tách phân, sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải (công suất 70m<sup>3</sup>/ngày.đêm) để xử lý, nước thải sau xử lý được lưu chứa tại hồ chứa nước thải sau xử lý trước khi tái sử dụng một phần cho tưới đường nội bộ, một phần xả thải vào khe cạn.

**2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B; K<sub>f</sub> = 1,3; K<sub>q</sub> = 0,9)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi; Sau đó lưu chứa tại 03 hồ chứa nước sau xử lý. Nước thải sau xử lý được bơm lên tái sử dụng một phần tưới đường nội bộ và xả ra khe cạn là phụ lưu suối Đắk Gur phía Nam dự án.

**2.3. Vị trí xả nước thải:**

- Thôn 7, xã Đắk Sin, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

- Toạ độ vị trí xả nước thải (hồ tái sử dụng- Hồ lắng sau xử lý số 3): toạ độ X = 1317621; Y = 389786 (Toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 108,5 độ, múi chiếu 3 độ).

- Toạ độ vị trí xả nước thải (Vị trí xả thải ra khe cạn phía Nam, phụ lưu thượng nguồn suối Đắk Gur): toạ độ X = 1317580; Y = 389748 (Toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 108,5 độ, múi chiếu 3 độ).

**2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:**

Lưu lượng xả thải lớn nhất là 14,24 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2.4.1. Phương thức xả nước thải:**

Nước thải chăn nuôi sau hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy theo

đường ống uPVC đường kính D114mm về hồ chứa nước sau xử lý.

Nước tái sử dụng được bơm theo đường ống uPVC D60 mm để tưới đường nội bộ.

Nước xả thải ra khe cạn phía Nam, phụ lưu thượng nguồn suối Đắc Gur tự chảy theo đường ống uPVC đường kính D114mm.

#### 2.4.2. Chế độ xả nước thải:

Nước thải chăn nuôi sau hệ thống xử lý tập trung tự chảy về hồ chứa nước sau xử lý: xả thải trong 24 giờ/ngày.đêm. Tuy nhiên phụ thuộc nhiều vào thời gian rửa chuồng và hoạt động bài tiết chất thải của vật nuôi.

Nước thải tái sử dụng một phần tưới đường nội bộ: Xả nước thải là gián đoạn, chủ yếu vào mùa khô mới bơm rửa đường chống bụi.

#### 2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Nước thải chăn nuôi sau xử lý trước khi xả thải vào khe cạn phía Nam đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B;  $K_f = 1,3$ ;  $K_q = 0,9$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 62 - MT:2016/BTNMT (cột B; $K_f = 1,3$ ; $K_q = 0,9$ )	
1	pH	-	5,5 - 9	06 tháng/lần
2	BOD	mg/l	117	
3	COD	mg/l	351	
4	TSS	mg/l	175,5	
5	Tổng Nito	mg/l	175,5	
6	Coliforms	MPN/100ml	5.000	
7	E.coli	MPN/100ml	-	

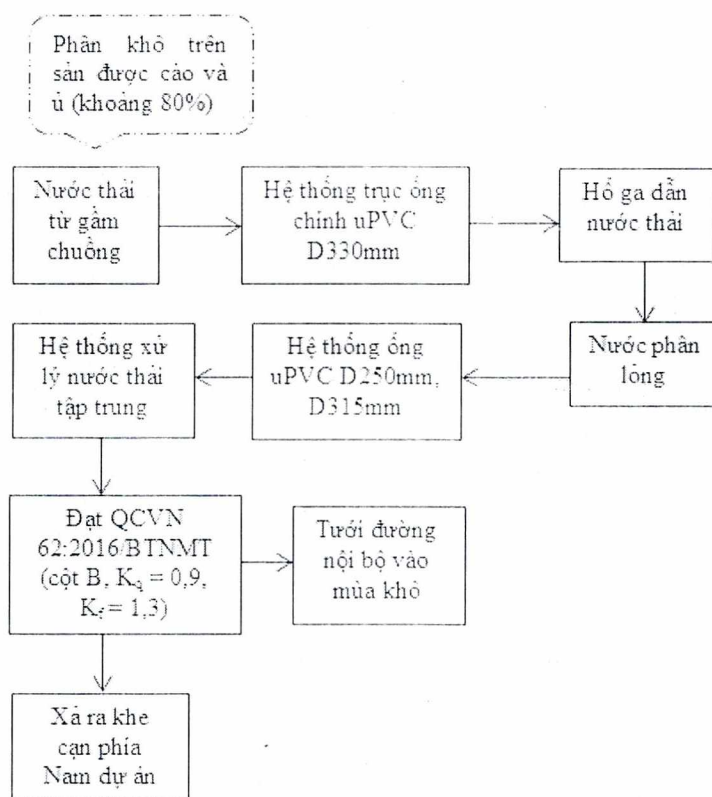


## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn, tự thấm qua giếng thăm.
- Mạng lưới thu gom nước thải chăn nuôi được thể hiện qua sơ đồ sau:



Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi gồm:

- Mạng thu gom nước thải dọc theo bên ngoài các dãy chuồng, tuyến thu gom chính ống uPVC D330mm, đường ống dẫn D250 và D315 về hồ gom phân: Tổng chiều dài đường ống là 267m.

+ Ống dẫn nước thải từ các hồ gom phân đến Biogas bằng ống uPVC đường kính D114mm. Tổng chiều dài đường ống là 27m.

- Ống dẫn nước thải đầu ra Biogas vào hồ điều hòa bằng ống uPVC đường kính D114mm. Tổng chiều dài đường ống là 39m.

Ống dẫn nước thải đầu ra hồ điều hòa vào Cụm xử lý hoá lý bằng ống uPVC đường kính D60mm. Tổng chiều dài đường ống là 62m.

Ống dẫn nước thải đầu ra Cụm xử lý hoá lý vào các hồ chứa nước sau xử lý bằng ống uPVC đường kính D60mm. Tổng chiều dài đường ống là 135m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

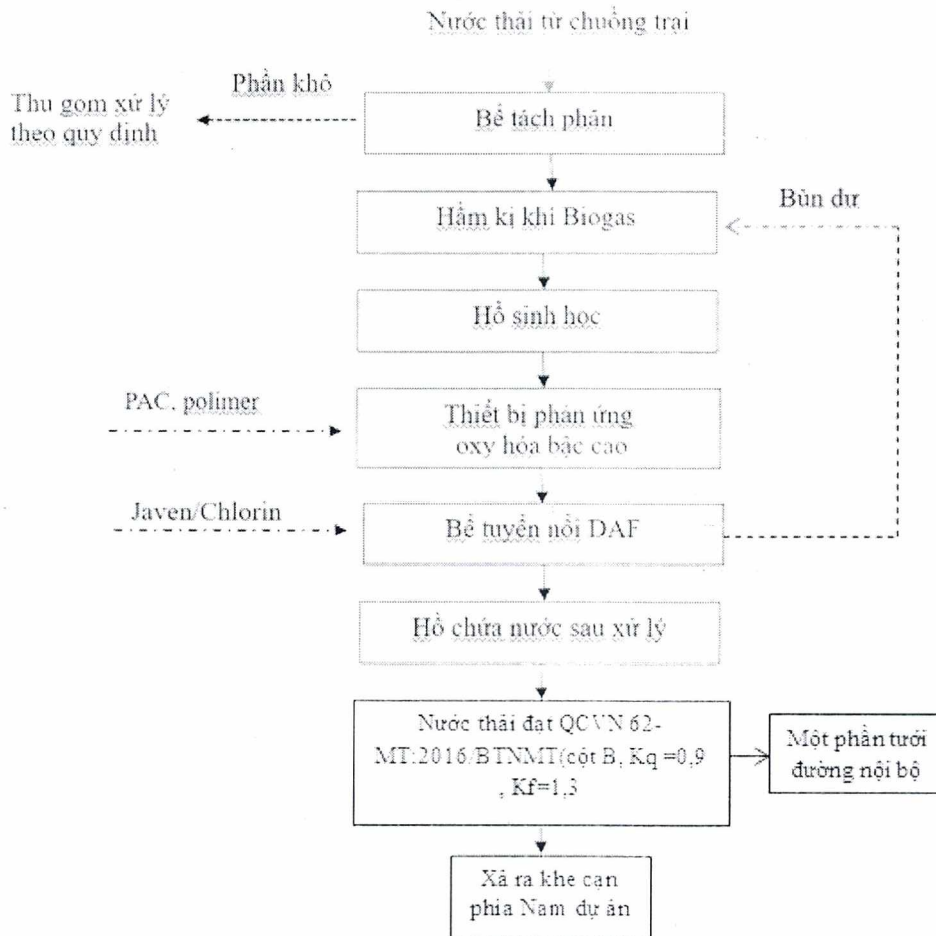
Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn, tự thấm qua giếng thăm.

Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát

sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Vi sinh bột.

### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi tại trang trại như sơ đồ sau:



Công suất thiết kế: 70 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Hóa chất, vật liệu sử dụng

STT	Hóa chất	Đơn vị	Khối lượng
1	PAC	kg/Tháng	350
2	H <sub>2</sub> O <sub>2</sub>	lít/Tháng	10
3	AXIT	lít/Tháng	10
4	POLYME	kg/Tháng	3,5

Hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A của Phụ lục này

### 1.3 Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.



#### **1.4 Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, thoát nước thải đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Bảo đảm hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao.

Bố trí công nhân vận hành theo đúng hướng dẫn của đơn vị thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

Vận hành đúng thông số kỹ thuật và thường xuyên giám sát nước thải theo đúng quy định để có cơ sở theo dõi chất lượng nước thải đầu ra, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát nước; hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng các chất bẩn.

Bố trí máy bơm, đường ống, tủ phân phối điện cố định và máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

Đối với những khu vực có nền đất yếu như bờ của các hồ xử lý nước thải và hồ chứa nước thải sau xử lý sẽ được gia cố, đầm nén chặt và trồng bổ sung cây xanh ở những khu vực vị trí xung yếu, bờ có độ dốc cao.

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể chứa của hệ thống xử lý nước thải và hồ tạm chứa, sau khi khắc phục sự cố mới bơm quay trở lại xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải.

Trường hợp chất lượng nước thải không đạt QCVN62-MT:2016/BTNMT, cột B (phát hiện thông qua một số sự cố trong quá trình chăn nuôi hoặc thông qua công tác kiểm tra nước thải đầu ra định kỳ), phải dừng ngay việc tái sử dụng cho tưới đường nội bộ và xả thải ra môi trường, kiểm tra tìm kiếm lỗi phát sinh để khắc phục kịp thời. Sau khi kiểm tra, khắc phục (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu), nước thải sau xử lý tiếp tục được tái sử dụng cho tưới đường nội bộ và xả thải ra môi trường.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

#### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:**

Từ ngày 08/4/2024 đến ngày 25/4/2024.

#### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí (Vị trí nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải)

Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nên việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên



tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Tần suất	Thời gian lấy mẫu	Thời gian đo đạc, phân tích	Chỉ tiêu quan trắc	Quy chuẩn áp
<b>I</b>	<b>Quan trắc đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải (lấy và phân tích mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp)</b>					
1	Nước thải đầu vào tại vị trí hồ thu gom nước thải trước khi vào Biogas	3 lần (1 ngày/lần)	Ngày 08/4/2024	Ngày 09/4/2024 – 23/4/2024	pH, Coliforms, E.coli COD, BOD, TSS, Tổng Nito	QCVN 62-MT:2016/ BTNMT (cột B; K <sub>f</sub> = 1,3; K <sub>q</sub> = 0,9)
			Ngày 09/4/2024	Ngày 10/4/2024 – 24/4/2024		
			Ngày 10/4/2024	Ngày 11/4/2024 – 25/4/2024		
2	Nước thải đầu ra Tại điểm xả ra khe cạn phía Nam dự án	3 lần (1 ngày/lần)	Ngày 08/4/2024	Ngày 09/4/2024 – 23/4/2024		
			Ngày 09/4/2024	Ngày 10/4/2024 – 24/4/2024		
			Ngày 10/4/2024	Ngày 11/4/2024 – 25/4/2024		

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của trang trại, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B và phải dừng ngay việc tái sử dụng nước thải sau xử lý cho tưới đường nội bộ trong trang trại và xả thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Lắp đặt đồng hồ (thiết bị) đo lưu lượng để theo dõi lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (nếu có) theo quy định. Lập nhật ký vận

hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành công trình xử lý nước thải theo quy định.

Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải được xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ các trách nhiệm quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định./



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **30** /GPMT-UBND ngày **04** tháng **4** năm **2024** của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- + Nguồn 1: Khí thải trong khu vực nhà heo nái mang thai.
- + Nguồn 2: Khí thải trong khu vực nhà heo nái đẻ.
- + Nguồn 3: Khí thải trong khu vực nhà heo cai sữa.
- + Nguồn 4: Khí thải trong khu vực nhà phối tinh.
- + Nguồn 5: Khí thải trong khu vực nhà heo cách ly.
- + Nguồn 6: Khí thải phát sinh từ hầm Biogas và đầu đốt khí gas thừa.
- + Nguồn 7: Khí thải từ hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải.

Đối với các nguồn phát sinh khí thải nêu trên hầu hết là dạng dòng, dạng vùng (phát tán phân bố, lan truyền), không phải Nguồn điểm.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải**

Do các nguồn phát tán không phải nguồn điểm cụ thể nên không xác định toạ độ xả khí thải

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất**

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất gồm:

- + Nguồn 1: Khí thải trong khu vực nhà heo nái mang thai: khoảng 30.000 m<sup>3</sup>/h
- + Nguồn 2: Khí thải trong khu vực nhà heo nái đẻ: khoảng 45.000 m<sup>3</sup>/h
- + Nguồn 3: Khí thải trong khu vực nhà heo cai sữa: khoảng 40.000 m<sup>3</sup>/h
- + Nguồn 4: Khí thải trong khu vực nhà phối tinh: ít sử dụng do đó ít phát tán khí thải.
- + Nguồn 5: Khí thải trong khu vực nhà heo cách ly: ít sử dụng do đó ít phát tán khí thải.
- + Nguồn 6: Khí thải phát sinh từ hầm Biogas và đầu đốt khí gas thừa: 4,3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- + Nguồn 7: Khí thải từ hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Khí thải được xả phân tán (không có ống thải), phụ thuộc vào sự khuếch tán của không khí xung quanh. Thời gian xả là gián đoạn trong 24 giờ/ngày, phụ thuộc vào thời điểm sử dụng các chuồng nuôi.

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:**

Các nguồn thải chủ yếu phân tán, không phải Nguồn điểm. Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022 ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Trang trại không thuộc đối tượng cần quan trắc khí thải định kỳ. Tuy nhiên, để

chủ động theo dõi và giám sát chất lượng không khí phát sinh từ Trang trại, chủ Dự án đề xuất thực hiện giám sát định kỳ đối với môi trường không khí xung quanh Trang trại đảm bảo Quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, cụ thể:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ)	
1	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	350	06 tháng/lần
2	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	30.000	
3	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	200	
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm <sup>3</sup>	300	
5	H <sub>2</sub> S	µg/Nm <sup>3</sup>	42	
6	NH <sub>3</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	200	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí Gas sinh ra sẽ được dẫn bằng ống uPVC đường kính D90 về đốt xả tại Béc đốt xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống Béc phun sương phun chế phẩm EM khử mùi tại các vị trí quạt hút khu vực chuồng nuôi. Hoá chất sử dụng là chế phẩm EM pha với nước sạch theo tỷ lệ pha 1lít EM cho 200 - 500 lít nước. Phun đều cho chuồng nuôi, 1 ngày phun một lần.

- Hệ thống lọc khí giữ lại khí H<sub>2</sub>S và các chất không cháy liên quan đến lưu huỳnh, thiết bị tự chế gồm: Bồn nhựa có tổng thể tích = 0,5 m<sup>3</sup> chứa các vật liệu lọc như: mùn cưa, phôi bào sắt, than hoạt tính,... sử dụng để lọc khí Gas sau Biogas, sản phẩm sau đốt cháy chủ yếu là CO<sub>2</sub> và một số hợp chất không cháy.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần





A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý bụi, khí thải để đảm bảo khí thải xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành

3.5. Khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, đảm bảo an toàn môi trường trước khi tiếp tục xả khí thải./.



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ**  
**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn phát sinh:

- + Nguồn số 1: Tiếng ồn từ hoạt động của quạt hút
- + Nguồn số 2: Tiếng ồn do heo kêu

**2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**2.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**2.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng quạt. Bôi trơn ổ bi, vệ sinh cánh quạt và tấm mở của quạt.

Bố trí khoảng đất cách ly và trồng cây xanh để hạn chế lan truyền tiếng ồn.

Đối với tiếng ồn do heo kêu: đây là đặc trưng của hoạt động chăn nuôi heo, tuy nhiên do khu vực trang trại cách xa khu dân cư, nên mức độ ảnh hưởng là không đáng kể. Chủ trang trại đã thực hiện một số biện pháp nhằm hạn chế tác động đến môi trường xung quanh như sau:

- + Phân cụm chuồng trại hợp lý, cách xa khu vực văn phòng
- + Cho heo ăn đúng giờ.
- + Hạn chế vận chuyển heo vào ban đêm để giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng



đến khu vực xung quanh.

+ Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên trại cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát tiếng ồn, độ rung để không gây ảnh hưởng đến công nhân trong khu vực Trang trại và người dân gần khu vực Trang trại./.





### Phụ lục 4

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

#### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

#### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Phương thức tự xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	5	-	Giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý, tái chế, tái sử dụng theo quy định.
2	Giấy làm mát thải bỏ		60kg/5 năm	-	
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	4	-	
4	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như Amiang) thải	Rắn	3	-	

Đối với xác heo chết và nhau thai: Chôn lấp tại hố chôn trong khuôn viên trang trại.

Chất thải nguy hại dạng lỏng: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

#### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn chăn nuôi thông thường phát sinh:

Phân heo: phân heo sau khi tách ra khỏi nước thải có khối lượng khoảng 316 kg/ngày.

Khối lượng xác heo chết do bệnh thông thường phát sinh khoảng 2,65 + 2 (kg nhau thai) = 4,65 kg/ngày.

#### 1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

Bùn phát sinh từ hệ thống Biogas: khoảng 24-25 kg/ngày.



#### **1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh:**

- Chủng loại: rác thải sinh hoạt như: vỏ lon, chai nhựa, bìa giấy, bao bì, thức ăn thừa...

- Khối lượng phát sinh: khoảng 2,1 kg/ngày, tương đương 0,77 tấn/năm.

#### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chôn nuôi thông thường, chất thải nguy hại**

##### **2.1 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít, có dán nhãn.

Kho lưu chứa trong nhà

+ Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 12,5 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Đất tự nhiên đầm chặt; lớp cát đế móng đầm chặt dày 50; bê tông lót đế móng đá 4 x 6 M50 dày 100, bê tông móng đá 1 x 2 M250. Nền bê tông, tường bê tông, trần lợp tôn lạnh dày 3,2 zem; mái lợp tôn màu dày 4,2 zem; cửa ra vào khung sắt, panô sắt. Có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh thoát nước mưa xung quanh tránh nước mưa chảy tràn vào bên trong... theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

##### **2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn chôn nuôi thông thường**

Thiết bị lưu chứa: Bao bì

Khu vực lưu chứa, ủ phân sau khi cào ép:

+ Diện tích khu vực nhà kho chứa phân: 40 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Nhà 1 tầng. Kết cấu công trình khung kèo tổ hợp lợp tôn, tường bao che xây gạch, nền láng xi măng..

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Rác tái chế như: vỏ lon, chai nhựa, bìa giấy... được chứa trong thùng 120 lít số lượng 02 thùng và định kỳ bán cho đơn vị thu mua.

Rác không tái chế được đựng trong thùng 20 lít dùng để thu gom rác không tái chế, số lượng 02 thùng.

- Rác thải sinh hoạt còn lại được đựng trong thùng chứa 20 lít đặt trong nhà để rác có mái che, số lượng 02 thùng. Khi thùng chứa rác đầy sẽ được đem đi chôn lấp tại hố chôn trong khuôn viên cơ sở

- Diện tích Hố chôn rác thải sinh hoạt: 4 m<sup>2</sup>.

#### **3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải**

##### **3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại (nếu có):**

Không tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

### **3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn chăn nuôi thông thường:**

#### **a. Xử lý xác heo chết do bệnh thông thường**

Chôn tại hố chôn xác heo tại trang trại với diện tích 49 m<sup>2</sup>. Kết cấu: Nền đất, định kỳ phun chế phẩm sinh học và vôi bột trong quá trình chôn xác heo và nhau thai.

#### **b. Ủ phân**

Loại chất thải tự tái chế, tái sử dụng: Phân heo, bùn từ hệ thống Biogas.

Khối lượng chất thải tự tái chế, tái sử dụng:

+ Phân heo: 316 kg/ngày, tương đương với 104,3 tấn/năm

+ Bùn phát sinh từ hệ thống Biogas: khoảng 24-25 kg/ngày, tương đương tối đa với 8,3 tấn/năm.

Tóm tắt quy trình công nghệ tái chế, tái sử dụng:

Phân heo sau cào, tách ép và bùn từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được đưa về nhà chứa phân để ủ phân, với diện tích 40 m<sup>2</sup>.

Đối với bùn phát sinh từ hệ thống Biogas: Lượng bùn này định kỳ sẽ được chủ cơ sở sử dụng bơm hút để đảm bảo cho khả năng hoạt động của hầm Biogas. Lượng bùn này sẽ được cào thủ công, ủ cùng phân heo và đóng bao, chứa tạm thời tại kho chứa phân, bón cho cây xanh trong khuôn viên trang trại.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình vận hành dự án, sự cố trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh chết hàng loạt, phải thực hiện các biện pháp xử lý theo Điều 30 của Luật Thú y năm 2015, các Quy định khác của Pháp luật có liên quan.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./



## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công các công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy định đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các chất thải phát sinh được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Chủ dự án phải thực hiện đảm bảo theo đúng quy định tại thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 và Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường do hoạt động của Trang trại.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải nếu các thay đổi không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

8. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của trang trại cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

9. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.



11. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả theo quy định; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.

ÁP IDAK